

MIRAE ASSET

Reporting on principles
Báo cáo nguyên tắc

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

Phụ lục XXIV: Mẫu báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng

Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of Minister of MCF)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness
Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024
Hanoi, 27 Dec 2024

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Ho Chi Minh City Stock Exchange

1 Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
Fund Management Company: Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited
2 Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Supervising bank: Shinhan Bank Vietnam Limited
3 Tên Quỹ: Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND
Fund name: MAFM VNDIAMOND ETF
4 Mã Quỹ: FUEMAVND
Fund name: FUEMAVND
5 Kỳ báo cáo: Từ ngày 20 tháng 12 năm 2024 đến ngày 26 tháng 12 năm 2024
Reporting period: From 20 Dec 2024 to 26 Dec 2024
6 Ngày lập báo cáo: 27/12/2024
Reporting Date: 27-Dec-2024

Đơn vị tính/ Unit: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 26/12/2024	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 19/12/2024
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị đầu kỳ At the beginning of period		
1.1	của quỹ/ per Fund	353,214,363,954	357,288,761,868
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,374,374,957	1,390,228,645
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	13,743.74	13,902.28
2	Giá trị cuối kỳ At the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund	345,116,383,312	353,214,363,954
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,402,912,127	1,374,374,957
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	14,029.12	13,743.74
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV per Fund Certificate during period, of which:		
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to fund's investment during the period	7,142,900,992	(4,074,397,914)
3.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	(15,240,881,634)	-
3.3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value due to distribute the profit to investors during the period	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of NAV per fund unit in comparison with last period	285.38	(158.54)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	450,585,053,811	450,585,053,811
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	298,656,942,839	290,825,868,292
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	13,850	13,980
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	14,120	13,850
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison with the last period	270	(130)
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	90.88	106.26
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/premium(+))	0.65%	0.77%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	14,260	14,260
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	10,800	10,590



Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisory Bank

NGÂN HÀNG

TNHH

MỘT THÀNH VIÊN

SHINHAN

VIỆT NAM

SHINHAN

SHINHAN

SHINHAN



Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

QUẢN LÝ QUỸ

MIRAE ASSET

VIỆT NAM

MIRAE ASSET

MIRAE ASSET

MIRAE ASSET

MIRAE ASSET